

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/4/2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp AH, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

**2. Bị đơn:** Anh Lạc Dũng C, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp AH, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp HM 2, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:*

Vào năm 2002 chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lạc Dũng C qua quen biết nên tiến tới kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/7/2002, theo giấy chứng nhận kết hôn số 53. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lạc Thị Tuyết V, sinh ngày 05/5/2004 và Lạc Anh D, sinh ngày

07/8/2007, hiện đang sống chung với chị D.

Sau khi cưới chị D và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài vẫn không khắc phục được, nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị D cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lạc Dũng C.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lạc Thị Tuyết V, sinh ngày 05/5/2004; chị D đồng ý giao con chung Lạc Anh D, sinh ngày 07/8/2007 cho anh Lạc Dũng C nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn cháu Lạc Thị Tuyết V, sinh ngày 05/5/2004 trình bày:* Cháu là con chung của ông Lạc Dũng C và bà Nguyễn Thị Ngọc D, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

*Tại phiên tòa sơ thẩm cháu Lạc Anh D, sinh ngày 07/8/2007 trình bày:* Cháu là con chung của ông Lạc Dũng C và bà Nguyễn Thị Ngọc D, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha.

*Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/3/2022, bị đơn anh Lạc Dũng C trình bày:* Anh C đã nhận được giấy triệu tập tham dự phiên tòa xét xử vụ án nêu trên, hiện nay do bận công việc đi làm mướn xa nên không thể tham gia vụ án được. Vì vậy anh làm đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong các phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị D và anh C chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp. Chị D cho rằng trong quá

trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến xô xát và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài vẫn không khắc phục được, nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh C vắng mặt, đồng thời anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thể hiện anh C đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lạc Thị Tuyết V, sinh ngày 05/5/2004; chị D đồng ý giao cháu Lạc Anh D, sinh ngày 07/8/2007 cho anh Lạc Dũng C nuôi dưỡng; yêu cầu của chị D là phù hợp với nguyện vọng của cháu V; tại phiên tòa cháu Lạc Anh D trình bày có nguyện vọng được sống chung với anh Lạc Dũng C, do đó cần giao cháu Lạc Anh D cho anh Lạc Dũng C nuôi dưỡng, là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với bị đơn anh Lạc Dũng C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lạc Thị Tuyết V, sinh ngày 05/5/2004 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D nuôi dưỡng. Giao cháu Lạc Anh D, sinh ngày 07/8/2007 cho bị đơn Lạc Dũng C nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0006858 ngày 14/12/2021. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Mỹ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**